

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

KHOA SƯ PHẠM XÃ HỘI



Bài giảng học phần

LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LÀM VĂN

Chương trình Đại học ngành Sư phạm Ngữ văn

Giảng viên: HUỲNH THỊ NGỌC KIỀU

Khoa Sư phạm Xã hội

QUẢNG NGÃI, THÁNG 7/2019

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÀM VĂN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THPT (3 TIẾT)

1.1. Tình hình dạy học Làm văn hiện nay ở trường THPT

- Trong phong trào đổi mới dạy học văn ở nhà trường phổ thông nhiều thập kỷ qua, hầu như phân môn được quan tâm nhiều nhất là văn học, và phân môn ít được chú ý nhất là môn Làm văn.

- Môn Làm văn, bản thân nó cũng có đủ lý do và dữ kiện để được nhìn nhận một cách thỏa đáng hơn nếu không muốn nói là được quan tâm đặc biệt hơn, cả về phương diện lý thuyết lẫn thực tiễn, về phương diện dạy cũng như học, về yêu cầu cần đạt cũng như hiệu quả thực tế thu lượm được nhiều năm qua.

- Tình trạng không chuẩn xác, thiếu sức thuyết phục của các sách dạy lý thuyết Làm văn ở trường phổ thông.

- Tính chất sách vở trừu tượng của lý thuyết Làm văn phản ánh một quan niệm chưa đúng đắn về việc dạy học Làm văn ở nhà trường nhiều năm qua.

- Ở nước ta, sự khập khiễng giữa nói và làm, giữa bài văn và cách nói ngoài đời của học sinh không phải là hiện tượng hiếm hoi.

- Việc dạy học Làm văn ở nhà trường phổ thông hiện nay vẫn còn thực hiện theo lối dạy văn chương xa lạ với đời sống của chính bản thân học sinh.

- Do lối dạy Làm văn khuôn mẫu, xơ cứng, do quan niệm làm văn nặng về thi cử, do yêu cầu chủ yếu đối với học sinh ở nhà trường phổ thông vẫn là sao chép kiến thức nên hiệu quả dạy học làm văn chưa cao.

- Hậu quả của lối học sao chép kiến thức là sự thấp kém và non yếu về tư duy sáng tạo. Sự non yếu này biểu hiện ở các mặt sau :

+ Khả năng vận dụng kiến thức của học sinh qua bài làm văn kém.

+ Học sinh THPT khi làm bài văn xong không thể tự mình rút kinh nghiệm, tự mình đánh giá xem bài làm chỗ nào được, chỗ nào chưa được trong giờ trả bài làm văn.

1.2. Vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ của phân môn Làm văn

1.2.1. Vị trí của môn Tập làm văn

Phân môn Làm văn ở THPT tiếp tục phát huy kết quả học tập làm văn ở THCS để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm văn lên một bước mới.

1.2.1.1. Xét trên quan điểm liên ngành

- Làm văn gắn bó hữu cơ với tiếng Việt và văn học.
- Làm văn thử thách một cách tổng hợp toàn diện con người học sinh về nhiều phương diện: vốn sống, vốn văn hóa, trình độ chính trị, năng lực tư duy...và cả về phương diện nhân cách, cá tính người làm văn.

1.2.1.2. Xét cả quá trình dạy môn Ngữ văn trong nhà trường

- Với Làm văn, học sinh được thực hành tổng hợp, tổng hợp về kiến thức và tổng hợp về kỹ năng.
- Phân môn Làm văn ở trường THPT tiếp tục phát huy kết quả học tập tiếng Việt, tập đọc và tập làm văn ở Tiểu học, Tập làm văn ở THCS để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng và phương pháp làm văn lên một bước mới.
- Phân môn Làm văn thường được xếp dạy sau cùng trong mỗi bài học để học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức văn học, tiếng Việt một cách tổng hợp vào bài văn nói hoặc bài văn viết của học sinh.
- Qua môn Làm văn, giáo viên kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng, phương pháp tư duy tổng hợp của học sinh để từng bước giúp học sinh thực hành sự sáng tạo năng lực giao tiếp nghệ thuật và giao tiếp xã hội.
- Trong chương trình Ngữ văn THPT tích hợp, phân môn Làm văn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các tri thức cơ bản về các kiểu văn bản, hình thành các kỹ năng nói, viết.
- Làm văn ở trường THPT là môn học toàn diện, tổng hợp.
- Làm văn một mặt thể hiện kết quả học tập của hai phân môn Văn học và Tiếng Việt, mặt khác nó lại là nơi học sinh thực hành kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo những yêu cầu gắn học sinh với môi trường xã hội.

1.2.2. Mục tiêu của môn Làm văn

- Hoàn chỉnh các tri thức về Làm văn : những vấn đề lý thuyết và thực hành đã được học, được rèn luyện ở cấp THCS sẽ được củng cố, bổ sung và nâng cao. Kết thúc lớp 12 học sinh sẽ được trang bị một hệ thống trọn vẹn, đầy đủ những vấn đề lý thuyết cơ bản cũng như rèn luyện những kỹ năng chính trong việc xây dựng văn bản.
- Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ: năng lực sử dụng ngôn ngữ của học sinh THPT phải ở mức tự giác hơn, chủ động hơn so với cấp THCS. Học sinh cần có năng lực lĩnh hội, sản sinh tốt các loại văn bản viết và nói, bao hàm năng lực viết và

nói đúng chuẩn; biết làm cho văn bản của mình thích hợp với mục đích, hoàn cảnh, điều kiện giao tiếp; biết tự đánh giá, tự điều chỉnh cách viết, cách nói. Học sinh cũng cần có năng lực thưởng thức, thẩm định giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn chương, thấy cái hay, cái đẹp trong phong cách của nhà văn.

- Nâng cao năng lực tư duy : qua năng lực sử dụng ngôn ngữ, giúp học sinh biết tích lũy vốn tri thức, biết huy động và tổ chức vốn tri thức, biết đặt ra vấn đề và tự giải quyết vấn đề, biết diễn đạt kết quả tư duy của mình một cách chặt chẽ, rõ ràng, có sức thuyết phục về lý trí và tranh thủ về tình cảm. Việc nâng cao năng lực tư duy cũng giúp học sinh tạo được những cơ sở nhất định về mặt trí tuệ khi học sinh tiếp tục việc học tập ở bậc cao hơn.

1.2.3. Nhiệm vụ của môn Làm văn

- Hình thành cho học sinh những kiến thức cơ bản, tối thiểu về văn bản và các kiểu văn bản.

- Phân tích mối quan hệ ngôn ngữ trong văn bản và hướng dẫn rèn luyện cho học sinh quá trình tạo lập văn bản.

- Thông qua bài học lý thuyết và thực hành, luyện tập, yêu cầu học sinh nắm được các hình thức giao tiếp ngôn ngữ có cấu trúc nhất định phụ thuộc vào chức năng diễn đạt nội dung thông tin của văn bản.

- Hướng dẫn học sinh nhận biết sơ bộ văn bản là một đơn vị giao tiếp tương đối lớn, có kết cấu hoàn chỉnh và có những phương thức biểu đạt khác nhau.

- Làm văn ở THPT còn có nhiệm vụ giáo dục trong việc thực hành nhân cách cũng như năng lực và kỹ năng văn học cần có cho học sinh ở nhà trường phổ thông và khi vào đời.

1.3. Nội dung chương trình, sách giáo khoa phần Làm văn

1.3.1. Nội dung chương trình, SGK phần Làm văn lớp 10

1.3.1.1. Về nội dung chương trình

Chương trình Làm văn lớp 10 gồm hai bộ phận : Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản, các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của nó.

Nhiệm vụ của Làm văn lớp 10 chủ yếu là ôn tập, hệ thống hóa và nâng cao thêm các kiến thức và kỹ năng của học sinh, tạo điều kiện để mở rộng nâng cao và hoàn thiện ở các lớp 11, 12 tiếp theo. Theo tinh thần trên, chương trình lớp 10 gồm một số nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống hóa các kiểu văn bản đã học ở THCS.
- Văn bản tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Cách tóm tắt văn bản tự sự theo nhân vật chính.
- Văn bản thuyết minh, cách tóm tắt văn bản thuyết minh.
- Văn nghị luận: luận điểm, luận cứ, lập luận, cách làm bài văn nghị luận.
- Luyện nói, luyện viết đoạn văn, bài văn tự sự, thuyết minh, nghị luận.
- Một số kiểu văn bản khác: quảng cáo, kế hoạch cá nhân.

1.3.1.2. Về sách giáo khoa phần Làm văn

- Làm văn là một hợp phần của môn Ngữ văn: trước đây Làm văn được tách riêng thành môn học và theo đó được viết thành một quyển sách riêng. Lần này, Làm văn chỉ là một hợp phần cùng với Tiếng Việt và Văn học tạo nên một bộ môn thống nhất là Ngữ văn theo tinh thần tích hợp. Tính tích hợp của hợp phần Làm văn thể hiện chủ yếu ở quan hệ gắn bó với Tiếng Việt và Văn học. Các kiến thức, kỹ năng về từ ngữ, câu, phong cách được thể hiện trong nội dung thực hành tạo lập văn bản. Các ngữ liệu dạy Làm văn chủ yếu được lấy từ các văn bản trong giờ Văn. Nội dung các bài viết từ tự sự, thuyết minh đến nghị luận đều liên quan đến những tri thức và kỹ năng ở phân văn học.

- Cấu trúc của bài học Làm văn 10:

- + Kết quả cần đạt.
- + Nội dung bài học.
- + Ghi nhớ.
- + Luyện tập.

Sách giáo khoa chủ yếu không cung cấp những kiến thức có sẵn mà chỉ thiết kế một hệ thống hoạt động cho học sinh. Qua các hoạt động này, học sinh phát hiện và chiếm lĩnh các tri thức và kỹ năng cần thiết. Theo tinh thần này, chủ yếu các bài học được trình bày theo con đường quy nạp: cung cấp các ngữ liệu, hướng dẫn quan sát, phân tích ngữ liệu, khái quát hóa và tổng hợp hóa các tri thức cần chiếm lĩnh. Các tri thức này được trình bày cô đọng trong phần Ghi nhớ của bài học.

1.3.2. Nội dung chương trình, SGK phần Làm văn lớp 11

1.3.2.1. Chương trình Làm văn lớp 11 được thay đổi theo hướng kế thừa và nâng cao chương trình Làm văn lớp 11 CCGD, bảo đảm sự nhất quán với chương trình Làm văn THCS và lớp 10.

- Không dựa vào các thao tác nghị luận để chia nhỏ văn nghị luận ra nhiều loại: chứng minh, phân tích, bình giảng, bình luận ... như chương trình làm văn CCGD.

- Đổi mới cách ra đề văn nhằm tạo điều kiện cho học sinh suy nghĩ độc lập, tích cực, viết những điều mình nghĩ, mình quan niệm chứ không phải gò bó theo những khuôn phép, định hướng cho trước.

- Đổi mới cách dạy và học Làm văn theo hướng tích hợp với Văn học và Tiếng Việt, tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá: chương trình quan niệm kiểm tra, đánh giá là một mắc xích có mối quan hệ qua lại với toàn bộ quá trình dạy và học. Điều đó có nghĩa là việc kiểm tra, đánh giá không chỉ được thực hiện bằng các đề thi, bài thi mà trải ra cả quá trình dạy học, đặc biệt là các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà của người học.

1.3.2.2. Một số lưu ý về nội dung và hình thức trình bày phần Làm văn trong SGK lớp 11

- Nội dung Làm văn có những nội dung sau:

+ Văn nghị luận: Phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận; Thao tác lập luận phân tích; Luyện tập thao tác lập luận phân tích; Thao tác lập luận so sánh; Luyện tập thao tác lập luận so sánh; Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận phân tích và so sánh; Thao tác lập luận bác bỏ; Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ; Thao tác lập luận bình luận; Luyện tập thao tác lập luận bình luận; Tóm tắt văn bản nghị luận; Luyện tập tóm tắt văn bản nghị luận.

+ Các văn bản khác: Bản tin; Luyện tập viết bản tin; Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn; Tiểu sử tóm tắt; Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt; Ôn tập phần Làm văn.

- Hình thức trình bày: Các bài học ở phần Làm văn đều được trình bày theo một bố cục thống nhất: Kết quả cần đạt, các đơn vị kiến thức của bài học, Ghi nhớ, Luyện tập.

1.3.3. Nội dung chương trình, SGK phần Làm văn lớp 12

Sinh viên tự nghiên cứu, viết tiểu luận báo cáo trước lớp.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 1

1. Hãy phân tích mối quan hệ giữa phân môn Văn học – tiếng Việt và Làm văn ở trường THPT.
2. Tại sao phải đổi mới nội dung và phương pháp dạy học Làm văn?
3. Phân tích các nội dung và phương pháp cần phải đổi mới trong dạy học Làm văn ở trường THPT.
4. Phân tích nhiệm vụ của phân môn Làm văn trong chương trình Ngữ văn THPT.
5. Phân tích nội dung chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phần Làm văn lớp 10,11 và 12.

Chương 2. NHỮNG CƠ SỞ CỦA VIỆC DẠY HỌC LÀM VĂN (3 tiết)

2.1. Cơ sở lý thuyết của việc dạy học Làm văn

2.1.1. Ngôn ngữ học văn bản

Ngôn ngữ học văn bản nghiên cứu rất nhiều vấn đề về văn bản từ nội dung – ngữ nghĩa đến hình thức – kết cấu. Văn bản được xem xét dưới hai góc độ: tĩnh và động. Ở dạng tĩnh, các nhà nghiên cứu đã tìm ra những mô hình, sơ đồ, công thức ... của văn bản. Ở dạng động, văn bản lại được xem xét ở các mặt, từ hành vi lập ý xét về mặt nội dung, hành vi xây dựng kết cấu xét về mặt cấu tạo đến hành vi tác động xét về mặt dụng học. Rõ ràng với nội dung nghiên cứu như vậy, ngôn ngữ học văn bản đã góp phần đắc lực cho việc đề xuất những nội dung lý thuyết và đặt ra những kỹ năng cần rèn luyện cho học sinh trong môn Làm văn ở nhà trường.

- Quá trình giao tiếp bằng văn bản diễn ra theo hai quá trình: phát và nhận văn bản. Trong quá trình phát, người phát sẽ mã hóa văn bản và người nhận sẽ giải mã văn bản đó. Quá trình làm văn trong nhà trường là quá trình mã hóa văn bản, hay nói một cách khác đó là quá trình xây dựng văn bản. Bộ môn chuyên nghiên cứu đặc điểm của văn bản, kết cấu văn bản, các dạng thông tin trong văn bản ... chính là ngôn ngữ học văn bản. Bởi vậy, có thể nói rằng ngôn ngữ học văn bản (hay cụ thể hơn là ngữ pháp văn bản) là một trong những tiền đề lý thuyết của việc làm văn.

2.1.2. Lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ

- Làm văn là làm các loại văn bản, mà văn bản là đơn vị giao tiếp cơ bản, vì vậy Làm văn chính là làm các loại văn bản để giao tiếp.

- Làm văn có quan hệ với một lý thuyết khác bên cạnh lý thuyết về văn bản, đó là lý thuyết giao tiếp bằng ngôn ngữ hay nói gọn hơn là lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ.

- Lý thuyết ngôn ngữ có thể tóm tắt trong một số luận điểm chủ yếu sau:

+ Việc giao tiếp bằng ngôn ngữ không phải đơn thuần chỉ nhằm mục đích thông tin mà chủ yếu là quá trình tác động tới người nhận về nhận thức, quan

điểm thẩm mỹ và hành động. Trong mối quan hệ giữa thông tin và tác động thì thông tin là phương tiện của tác động còn tác động là mục đích của thông tin.

+ Theo quan điểm hệ thống cấu trúc, phương tiện ngôn ngữ là những yếu tố có sẵn, đứng yên, khép kín. Nhưng theo quan điểm giao tiếp thì các phương tiện đó trong hoạt động hành chức của mình luôn luôn là những yếu tố có sự biến động. Chúng có thể phát sinh đặc tính mới, tăng cường thêm giá trị hoặc ngược lại cũng có thể suy giảm, rút bớt giá trị mà chúng vốn có trong hệ thống.

+ Hiểu biết về đối tượng tiếp nhận văn bản là điều không thể thiếu đối với người phát tin. Hiểu biết này càng cụ thể, phong phú thì hiệu quả giao tiếp đạt được càng cao.

+ Trong việc giao tiếp, một nhân tố nữa đã có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc xây dựng văn bản, đến hiệu quả giao tiếp là tình huống (hoàn cảnh) giao tiếp.

Từ bốn luận điểm cơ bản trên của lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ, chúng ta thấy rằng, làm văn cũng chính là một quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2.1.3. Logic học

- Trên con đường xác định một lý thuyết thực sự khoa học cho môn Làm văn, chúng ta lại gặp nhiều vấn đề của Làm văn gắn liền với Logic học.

- Các thao tác tư duy được nghiên cứu trong logic học như suy diễn, chứng minh, kiểm nghiệm, bác bỏ ... đã và đang được sử dụng triệt để trong Làm văn.

- Việc tìm ý, lập ý, làm bố cục, viết bài ... đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với lý luận về logic.

Có thể nói logic học chính là một trong những tiền đề của việc Làm văn.

2.1.4. Lý luận văn học

- Muốn xây dựng được các văn bản văn học đặc biệt là các văn bản nghị luận văn học, học sinh không thể không nắm những vấn đề cơ bản của lý luận văn học. Nhưng những vấn đề lý luận văn học không thể đưa thẳng vào Làm văn mà cần phải được chắt lọc, lựa chọn và thông qua lý thuyết làm văn đến với

học sinh. Vì thế, có thể nói rằng lý luận văn học mặc dù không gắn với tất cả các vấn đề của làm văn mà chỉ có quan hệ trực tiếp với các văn bản văn học – một trong những nội dung quan trọng của Làm văn – vẫn là một tiền đề lý luận không thể thiếu trong lý thuyết làm văn.

- Chỉ có thể hiểu một cách đầy đủ, chính xác, rõ ràng những vấn đề cơ bản nhất của lý luận văn học thì học sinh mới có cơ sở để làm bài tốt.

- Ví dụ văn nghị luận trong chương trình: nội dung làm văn nghị luận trong nhà trường xoay quanh một số vấn đề như: phân tích nhân vật, phân tích cốt truyện, phân tích kết cấu, phân tích nghệ thuật ...(được gọi chung là phân tích tác phẩm); phân tích các vấn đề văn học sử: giai đoạn văn học, quan điểm văn học, phương pháp sáng tác... Tất cả những vấn đề trên của lý thuyết Làm văn gắn liền với các vấn đề lý luận văn học như nhân vật, cốt truyện, phương pháp sáng tác... Để giải quyết tốt những vấn đề được đặt ra trong bài văn nghị luận, người học cần được trang bị những kiến thức cơ bản của lý luận văn học.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc dạy học Làm văn

- Những tri thức và kỹ năng làm văn mà học sinh đã tích lũy được.
- Năng lực tư duy và vốn sống của học sinh THPT hiện nay.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CHƯƠNG 2

1. Việc dạy học Làm văn được xây dựng dựa trên những cơ sở khoa học nào?
2. Tại sao nói Ngôn ngữ học văn bản là cơ sở lý thuyết của việc dạy học Làm văn?
3. Tại sao nói Lý thuyết giao tiếp ngôn ngữ là cơ sở lý thuyết của việc dạy học Làm văn?
4. Tại sao nói Logic học là cơ sở lý thuyết của việc dạy học Làm văn?
5. Tại sao nói Lý luận văn học là cơ sở lý thuyết của việc dạy học Làm văn?
6. Phân tích các cơ sở thực tiễn của việc dạy học Làm văn ở trường THPT.
7. Tại sao nói: những tri thức và kỹ năng làm văn mà học sinh đã tích lũy được từ các lớp học dưới là cơ sở thực tiễn của việc dạy học Làm văn?